

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

Bản án số: 171/2022/DS-PT

Ngày: 15-7-2022

V/v tranh chấp về
thừa kế tài sản, chia tài sản chung

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Những

Ông Trần Trọng Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 242/2018/TLDS-PT ngày 09-10-2018 về việc: “Tranh chấp thừa kế, chia tài sản chung”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 30-8-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2022/QĐ-PT ngày 01-4-2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Phạm Văn V, sinh năm 1960;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Bà Phạm Thị C, sinh năm 1960;

Địa chỉ: số 35, đường B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn:

1. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1972;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Ông Phạm Tấn H; sinh năm 1967;

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị Bé E, sinh năm 1965;

Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Ông Hồ Thanh T1; sinh năm 1982;

3. Bà Hồ Thị Kim H1, sinh năm 1974;

4. Ông Hồ Ngọc B, sinh năm 1976;

5. Ông Hồ Ngọc B1, sinh năm 1978;

6. Ông Hồ Thanh N, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của các ông, bà Hồ Thanh T1, Hồ Thị Kim H1, Hồ Ngọc B1, Hồ Thanh N: Ông Hồ Ngọc B.

- *Người kháng cáo: Bà Phạm Thị C, Ông Phạm Văn V – Nguyên đơn; ông Phạm Tấn H – Bị đơn.*

(Các đương sự bà C, ông V, ông H và ông T có mặt; bà Bé E, và ông B vắng mặt tại phiên tòa).

NHẬN THẤY

Tại đơn khởi kiện ngày 09-5-2017, ngày 27-02-2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Phạm Thị C trình bày:

Cha mẹ bà là ông Phạm Văn K (sinh năm 1926, chết ngày 06-8-2008) và bà Bùi Thị X (sinh năm 1923, chết ngày 10-01-2015) có tổng cộng 06 người con gồm: Phạm Văn V, Phạm Thị Bé E, Phạm Văn T, Phạm Thị C, Phạm Tấn H, Phạm Thị Kịch. Trong đó bà Phạm Thị Kịch đã chết năm 2011, có 05 người con là Hồ Thanh T1, Hồ Thị Kim H1, Hồ Ngọc B1, Hồ Thanh N, Hồ Ngọc B. Ngoài ra ông K, bà X không có con ruột hay con nuôi nào khác. Cha mẹ ruột của ông K đã chết trước ông K. Cha mẹ ruột của bà X đã chết trước bà X. Khi ông K, bà X chết thì ông K và bà X không có nợ cá nhân, tổ chức nào.

Ông K, bà X có để lại diện tích đất gồm thửa 302, diện tích 11.021m², thửa 436, diện tích 6.402m², thửa 468, diện tích 4.845m², thửa 400, diện tích 2.304 m². Tất cả đất thuộc tờ bản đồ số 04 xã Bình Hoa Bắc. Đất do ông K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 05 chỉ vàng 24 kara, chuẩn độ 97%.

Trước khi chết, ông K có làm tờ tương phân toàn bộ diện tích đất cụ thể như sau: chia cho bà Bé E 0,3ha, ông T 0,67ha, bà C 0,3ha, ông H 0,5 ha. Trong tất cả các tờ phân chia đất do ông K lập trước khi chết đều có ghi miếng đất tại nhà làm hương hỏa, nhà cho Lửa (tức ông T). Sau khi ông K chết, bà X và các con thống nhất chia thêm cho ông H 0,2ha. Nhưng sau khi bà X chết thì không thống nhất được với nhau về việc chia thừa kế của ông K, bà X nên phát sinh tranh chấp.

Sau khi ông K, bà X chết đến nay, ông T quản lý, canh tác các thửa 436, 468, 400 diện tích 13.551m² và 4.114m² thuộc một phần thửa 302, ông H quản lý,

canh tác 6.907 m² thuộc một phần thửa 302. Ông V quản lý 5,5 chỉ vàng 24 kara chuẩn độ 97%.

Ngoài ra sau khi bà X chết, chi phí đám tang và làm mồ mã xong, tiền phúng điếu còn lại 27.000.000 đồng (ông V đang quản lý), tiền chế độ mai táng phí của bà X 11.000.000 đồng (ông T đang quản lý).

Bà C yêu cầu chia di sản thừa kế của ông K, bà X theo pháp luật, chia đất, vàng, tiền phúng điếu và tiền mai táng phí thành 06 phần bằng nhau. Cụ thể bà C yêu cầu nhận 4.095m² đất, giá trị 0,9 chỉ vàng và 6.300.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện ngày 09-5-2017, ngày 27-02-2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Phạm Văn V trình bày:

Ông thống nhất lời khai của bà C về quan hệ huyết thống, tài sản ông K bà X để lại. Ông V cũng yêu cầu chia di sản thừa kế của ông K, bà X theo pháp luật, chia thành 06 phần bằng nhau gồm đất, vàng, tiền phúng điếu và tiền mai táng phí. Ông V yêu cầu nhận 4.095 m² đất, 0,9 chỉ vàng và 6.300.000 đồng.

Bị đơn là ông Phạm Văn T trình bày:

Ông thống nhất lời khai của bà C, ông V về quan hệ huyết thống, tài sản ông K bà X để lại. Ông T cho rằng trước khi chết ông K đã để lại di chúc phân chia đất cho từng người, cụ thể chia cho ông 0,67ha và giao phần đất thổ (thửa 400 diện tích 2.304m² cho ông để làm hương hỏa). Nay các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đất theo pháp luật ông không đồng ý. Ông yêu cầu Tòa án chia theo tờ phân chia ruộng đất mà ông K đã lập. Cụ thể ông yêu cầu nhận 0,67ha đất ruộng, 2.304m² đất thổ, 0,9 chỉ vàng và 4.500.000 đồng tiền phúng điếu còn thừa. Đối với tiền mai táng phí 11.000.000 đồng ông có nhận nhưng đã chi phí hết cho 06 đám cúng bà X theo phong tục tại địa phương (gồm cúng 21 ngày, 49 ngày, 100 ngày, giáp năm, mãn tang tức là 02 năm và đám giỗ), hiện không còn nên không đồng ý chia.

Bị đơn ông Phạm Tấn H trình bày:

Ông thống nhất lời khai của bà C về quan hệ huyết thống, tài sản ông K bà X để lại. Ông H cho rằng trước đây ông K đã cho ông 5.000m² thuộc một phần thửa 302 hiện ông đang canh tác. Sau đó bà X cho ông thêm 2.000m² đất nên ông được tổng cộng 7.000m². Ông yêu cầu chia di chúc theo thừa kế, yêu cầu nhận diện tích đất ông đang canh tác, 0,9 chỉ vàng và 6.300.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Thị Bé E trình bày: Bà thống nhất với nguyên đơn, bị đơn về quan hệ huyết thống, tài sản ông K bà X để lại. Bà E cho rằng khi chết ông K đã để lại di chúc phân chia cho bà 0,3ha đất ruộng nên bà yêu cầu nhận 0,3ha đất và 0,9 chỉ vàng. Phần tiền phúng điếu còn thừa yêu cầu giải quyết theo pháp luật. Tiền mai táng phí bà E không yêu cầu nhận.

- Ông Hồ Thanh T1, Hồ Thị Kim H1, Hồ Ngọc B1, Hồ Thanh N, Hồ Ngọc B trình bày: Các ông, bà không có ý kiến gì khác về quan hệ huyết thống, tài sản

của ông K, bà X để lại. Các ông, bà không có ý kiến gì trong vụ án này mà yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 30-8-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức H1 quyết định:

Căn cứ: Khoản 2, 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 357, 609, 611, 612, 613, 614, 649, 650, 651, 652, 660 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 167, 188, 203 Luật Đất đai năm 2013; Các Điều 27, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông (bà) Phạm Văn V, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị Bé E ông Phạm Văn T, ông Phạm Tấn H về việc “tranh chấp về thừa kế tài sản” với nội dung yêu cầu ông Phạm Văn T, ông Phạm Tấn H, ông Phạm Văn V chia thừa kế tài sản đối với di sản của ông Phạm Văn K và bà Bùi Thị X.

Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự Phạm Thị C, Phạm Văn V, Phạm Tấn H về việc giao diện tích 911 m² (khu vực nhà ở) thuộc một phần thửa số 400, tờ bản đồ số 4 và diện tích 72 m² đất (khu vực nhà mồ) thuộc một phần thửa 468, tờ bản đồ số 4 xã Bình Hòa Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An cho ông Phạm Văn T tiếp tục quản lý sử dụng. Hai phần diện tích đất này có độ dài từng cạnh và vị trí tiếp giáp theo mảnh trích đo địa chính số 783-2017 ngày 14-11-2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Huệ.

Bà Phạm Thị C được chia 2.500 m² đất (ký hiệu phần diện tích thứ II) thuộc một phần thửa 302, tờ bản đồ số 4 xã Bình Hòa Bắc, loại đất LUC. Độ dài từng cạnh cụ thể và vị trí tiếp giáp theo mảnh trích đo địa chính số 1180-2018 ngày 16-8-2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Huệ.

Ông Phạm Văn V được chia 2.500 m² đất (ký hiệu phần diện tích thứ III) thuộc một phần thửa 302, tờ bản đồ số 4 xã Bình Hòa Bắc, loại đất LUC. Độ dài từng cạnh cụ thể và vị trí tiếp giáp theo mảnh trích đo địa chính số 1181-2018 ngày 16-8-2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Huệ.

Bà Phạm Thị Bé E được chia 3.000 m² đất (ký hiệu phần diện tích thứ I) thuộc một phần thửa 302, tờ bản đồ số 4 xã Bình Hòa Bắc, loại đất LUC. Độ dài từng cạnh cụ thể và vị trí tiếp giáp theo mảnh trích đo địa chính số 1179-2018 ngày 16-8-2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Huệ.

Ông Phạm Tấn H được chia 3.021 m² đất (ký hiệu phần diện tích thứ IV) thuộc một phần thửa 302, tờ bản đồ số 4 xã Bình Hòa Bắc, loại đất LUC. Độ dài từng cạnh cụ thể và vị trí tiếp giáp theo mảnh trích đo địa chính số 1182-2018 ngày 16-8-2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Huệ.

Ông Phạm Văn T được chia một phần thửa 400 diện tích 1.393 m² loại đất ONT, một phần thửa 468 diện tích 4.773 m² loại đất LUC, thửa 436 diện tích 6.402 m² loại đất LUC tờ bản đồ số 4 xã Bình Hòa Bắc. Độ dài từng cạnh và vị

trí tiếp giáp từng thửa theo mảnh trích đo địa chính số 783-2017 ngày 14-11-2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Huệ. Toàn bộ diện tích đất này hiện ông T đang quản lý, sử dụng.

Các ông (bà) Phạm Thị C, Phạm Văn V, Phạm Tấn H, Phạm Văn T, Phạm Thị Bé E có quyền và nghĩa vụ kê khai, đăng ký để được điều chỉnh và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Giao cho ông Phạm Văn T quản lý 115.916.000 đồng (một trăm mười lăm triệu, chín trăm mười sáu nghìn đồng) là giá trị tài sản mà các ông (bà) Hồ Thanh T1, Hồ Thị Kim H1, Hồ Ngọc B1, Hồ Thanh N, Hồ Ngọc B được hưởng thừa kế thế vị của bà Phạm Thị Kịch từ ông K, bà X.

Ông Phạm Văn T và ông Phạm Tấn H có nghĩa vụ thu hoạch cây cối trên thửa đất 302 để giao lại 3.000 m² đất (ký hiệu phần diện tích thứ I) cho bà Phạm Thị Bé E, 2.500 m² đất (phần diện tích thứ II) cho bà Phạm Thị C, 2.500 m² đất (phần diện tích thứ III) cho ông Phạm Văn V.

Ông Phạm Văn T có nghĩa vụ thu hoạch cây cối trên thửa đất 302 để giao lại 3.021 m² đất (ký hiệu phần diện tích thứ IV) cho ông Phạm Tấn H.

Sau khi khấu trừ chênh lệch giá trị mỗi kỳ phần, buộc ông Phạm Văn T có nghĩa vụ hoàn trả cụ thể như sau: hoàn trả cho bà Phạm Thị C 53.416.000 đồng (năm mươi ba triệu, bốn trăm mười sáu nghìn đồng), hoàn trả cho ông Phạm Văn V 34.166.000 đồng (ba mươi bốn triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng), hoàn trả cho ông Phạm Tấn H 40.391.000 đồng (bốn mươi triệu, ba trăm chín mươi mốt nghìn đồng), hoàn trả cho bà Phạm Thị Bé E 3.150.000 đồng (ba triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng).

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các ông (bà) Phạm Văn V, bà Phạm Thị C, ông Phạm Văn T, ông Phạm Tấn H, Phạm Thị Bé E về việc “yêu cầu chia tài sản chung”.

Bà Phạm Thị Bé E được chia 4.500.000 đồng. Ông Phạm Văn V có nghĩa vụ giao lại cho bà Bé E 4.500.000 đồng.

Ông Phạm Văn V, bà Phạm Thị C, ông Phạm Tấn H, ông Phạm Văn T mỗi người được chia 5.500.000 đồng.

Ông Phạm Văn V có nghĩa vụ giao lại cho bà C, ông H, ông T mỗi người 4.500.000 đồng.

Ông Phạm Văn T có nghĩa vụ giao lại cho bà C, ông H, ông V mỗi người 1.000.000 đồng.

Giao cho ông Phạm Văn V tiếp tục quản lý 4.500.000 đồng mà Hồ Thanh T1, Hồ Thị Kim H1, Hồ Ngọc B1, Hồ Thanh N, Hồ Ngọc B được hưởng 01 suất của bà Kịch (số tiền này hiện ông V đang quản lý).

Giao cho ông Phạm Văn T tiếp tục quản lý 1.000.000 đồng mà Hồ Thanh T1, Hồ Thị Kim H1, Hồ Ngọc B1, Hồ Thanh N, Hồ Ngọc B được hưởng 01 suất của bà Kịch (số tiền này hiện ông T đang quản lý).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chí phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10-9-2018, nguyên đơn ông Phạm Văn V và bà Phạm Thị C kháng cáo không đồng ý chia bằng tiền đối với quyền sử dụng đất, phải chia quyền sử dụng đất ra 6 phần bằng nhau; số tiền 11 triệu đồng mai táng phí ông T giữ, cúng giáp 2 năm là 2 triệu (mỗi lần 1.000.000 đồng) còn 9 triệu chia 6 phần.

Ngày 14-9-2018, bị đơn ông Phạm Tấn H kháng cáo yêu cầu được nhận 4.095m² quyền sử dụng đất, 0,9 chỉ vàng 24k, tiền mai táng phí không đồng ý trừ vào các khoản ông T chi vì không có chứng từ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các nguyên đơn và bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đơn kháng cáo của các nguyên đơn và bị đơn trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: một phần thửa đất số 302, ông H đang cho ông Bùi Duy R thuê trồng khoai và bà Võ Thị H2 là vợ của ông T nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

XÉT THẤY

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Bé E, các ông, bà Hồ Thanh T1, Hồ Thị Kim H1, Hồ Ngọc B1, Hồ Thanh N và ông Hồ Ngọc B. Các ông, bà Hồ Thanh T1, Hồ Thị Kim H1, Hồ Ngọc B1, Hồ Thanh N do ông Hồ Ngọc B đại diện yêu xét xử phúc thẩm vắng mặt nên vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Các đương sự tranh chấp về thừa kế tài sản là quyền sử dụng các thửa đất 436, 468, 400, 302, cùng tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã Bình Hòa Bắc huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

[3] Thửa đất số 302, tại vị trí B theo Mảnh trích đo địa chính số 784-2017 ngày 14-4-2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại Đức Huệ, ông H cho ông Bùi Duy R thuê trồng khoai từ từ năm 2014 đến nay; thửa đất số 400, trên thửa đất còn có chuồng nuôi heo do ông T xây dựng, có kết cấu cột xi măng, đòn tay gỗ tạp, nền xi măng, mái lợp tole nhưng không được thể hiện vị trí, kích thước trên Mảnh trích đo địa chính để xem xét yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của các đương sự.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T trình bày, vợ ông tên Võ Thị H2 đã cùng ông tôn tạo, quản lý, sử dụng đất các thửa 436, 468, 400 và một phần 302. Chi phí trồng chanh trên các thửa đất 468, 436, một phần thửa 302 và công sức chăm sóc là của hai vợ chồng ông.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm khi giải quyết vụ án không đưa ông Bùi Duy R và bà Võ Thị H2 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự được quy định tại khoản 6 Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[6] Đối với 5,5 chỉ vàng 24 kara chuẩn độ 97%, các đương sự đều yêu cầu chia thành 06 phần, mỗi người được nhận 0,9 chỉ. Ông H kháng cáo yêu cầu được nhận hiện vật là 0,9 chỉ vàng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà C và ông V cũng yêu cầu được nhận vàng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chia bằng giá trị là chưa phù hợp với Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, việc thu thập chứng cứ chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được nên cần hủy một phần bản án sơ thẩm đối với việc chia quyền sử dụng đất, chia vàng, mai táng phí và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[8] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị hủy bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[9] Đối với số tiền phúng điếu còn lại 27.000.000 đồng, các đương sự không có kháng cáo nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Theo bản án sơ thẩm:

Ông Phạm Văn V, bà Phạm Thị C, ông Phạm Tấn H, bà Phạm Thị Bé E và ông Phạm Văn T mỗi người được chia 4.500.000 đồng. Ông Phạm Văn V có trách nhiệm giao lại cho bà C, ông H, bà Bé E và ông T mỗi người 4.500.000 đồng.

Giao cho ông Phạm Văn V tiếp tục quản lý 4.500.000 đồng mà Hồ Thanh T1, Hồ Thị Kim H1, Hồ Ngọc B1, Hồ Thanh N, Hồ Ngọc B được hưởng 01 suất của bà Kịch (số tiền này hiện ông V đang quản lý).

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Văn V, bà Phạm Thị C, ông Phạm Tấn H, bà Phạm Thị Bé E và ông Phạm Văn T mỗi người chịu 300.000 đồng.

[11] Về số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được giải quyết khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[12] Về án phí dân sự phúc thẩm

Do hủy một phần bản án sơ thẩm nên ông V, bà C, ông H kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 30-8-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ đối với việc giải quyết chia thừa kế quyền sử dụng đất, chia vàng và mai táng phí;

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Đối với số tiền phúng điếu còn lại 27.000.000 đồng:

Ông Phạm Văn V, bà Phạm Thị C, ông Phạm Tấn H, bà Phạm Thị Bé E và ông Phạm Văn T mỗi người được chia 4.500.000 đồng. Ông Phạm Văn V có trách nhiệm giao lại cho bà C, ông H, bà Bé E và ông T mỗi người 4.500.000 đồng.

Giao cho ông Phạm Văn V tiếp tục quản lý 4.500.000 đồng mà Hồ Thanh T1, Hồ Thị Kim H1, Hồ Ngọc B1, Hồ Thanh N, Hồ Ngọc B được hưởng 01 suất của bà Phạm Thị Kịch (số tiền này hiện ông V đang quản lý).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Văn V, bà Phạm Thị C, ông Phạm Tấn H, bà Phạm Thị Bé E và ông Phạm Văn T mỗi người chịu 300.000 đồng.

Khấu trừ 4.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Phạm Thị C đã nộp theo biên lai số 0008208 ngày 27-02-2018 và biên lai số 0007946 ngày 03-7-2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Huệ để thi hành án phí.

Khấu trừ 4.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông Phạm Văn V đã nộp theo biên lai số 0008210 ngày 27-02-2018 và biên lai số 0008465 ngày 30-8-2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Huệ để thi hành án phí.

Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông Phạm Văn T đã nộp theo biên lai số 0008007 ngày 04-10-2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Huệ để thi hành án phí.

Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông Phạm Tấn H đã nộp theo biên lai số 0008209 ngày 27-02-2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Huệ để thi hành án phí.

Khấu trừ 2.175.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Phạm Thị Bé E đã nộp theo biên lai số 0008212 ngày 28-02-2018 và biên lai số 0008178 ngày 15-01-2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Huệ để thi hành án phí.

Số tiền tạm ứng án phí còn thừa của ông Phạm Văn V 4.000.000 đồng, bà Phạm Thị C 4.000.000 đồng và bà Phạm Thị Bé E 1.875.000 đồng sẽ được giải quyết khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án đối với việc chia thừa kế quyền sử dụng đất, chia vàng và mai táng phí.

Về số tiền chi phí tố tụng sẽ được giải quyết khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Về án phí phúc thẩm:

Ông Phạm Văn V, bà Phạm Thị C, ông Phạm Tấn H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn trả cho ông V, bà C và ông H mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0008477 ngày 10-9-2018, biên lai số 0008478 ngày 10-9-2018 và biên lai số 0008486 ngày 14-9-2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Huệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Huệ;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thu

